

Số 226 /KH-UBND

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH

Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về việc xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị tại địa phương;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 21-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng, trong đó, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1716/TTr-SKH-CN ngày 17/12/2025; UBND thành phố ban hành Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xây dựng Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo liên quan; các Chiến lược, Chương trình, kế hoạch của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quy hoạch phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 2/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030.

2. Quán triệt, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ cụ thể; đảm bảo tính thống nhất, kế thừa, phát huy kết quả đã triển khai trong Kế hoạch hành

động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND thành phố về thực hiện Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy.

3. Phân công triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, theo phương châm 6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đo lường, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu đưa Đà Nẵng vào Top 5 địa phương dẫn đầu về Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương, Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh; hướng đến mục tiêu phát triển Đà Nẵng trở thành Trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tầm cỡ quốc tế, Top 50 bảng xếp hạng đô thị thông minh uy tín toàn cầu.

Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao trong và ngoài nước.

Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045 chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách

Thường xuyên rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với quy định hiện hành của Trung ương và những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng

tạo tại địa phương.

Vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra để khuyến khích đổi mới sáng tạo và thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đến với thành phố Đà Nẵng. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Triển khai có hiệu quả cơ chế thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới (sandbox), xem xét ưu tiên một số lĩnh vực Blockchain, công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, robot và tự động hóa, tài sản số, xe tự hành, thiết bị bay tự hành, thể thao điện tử... phù hợp với nhu cầu, định hướng phát triển và khả năng kiểm soát của thành phố.

Gắn kết chặt chẽ hoạt động phát triển khoa học và công nghệ với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành kinh tế.

Ban hành và triển khai Kế hoạch tái cấu trúc quy trình xử lý thủ tục hành chính, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), robot tự động hóa xử lý (RPA) các thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, mục tiêu giảm 30% đến 40% thời gian xử lý các thủ tục hành chính hiện nay.

Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tổng thể đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng, các khu công nghiệp, Khu thương mại tự do Đà Nẵng, trong đó xác định rõ mô hình triển khai Khu thương mại tự do thông minh.

Ban hành chính sách ưu đãi, thu hút các Tập đoàn quốc tế, doanh nghiệp đầu tư vào hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu tại Đà Nẵng. Hình thành hạ tầng lưu trữ, tính toán đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh. Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu vùng.

Ban hành các chính sách, quy định hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật của các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

Nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố Đà Nẵng để thực hiện đặt hàng, tài trợ cho chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Nghiên cứu hình thành Quỹ Đầu tư mạo hiểm theo hướng tăng tính tự chủ, linh hoạt và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đồng thời thúc đẩy sự phối hợp giữa Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ ngành, địa phương và các quỹ đầu tư trong việc hình thành mạng lưới hỗ trợ phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và địa phương.

2. Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

a) Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, đảm bảo đủ điều kiện triển khai các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố.

- Hình thành Công viên khoa học để hoàn chỉnh hệ sinh thái Đổi mới - R&D - Thương mại hóa, rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu và công nghiệp, tạo đà bứt phá để thành phố Đà Nẵng đạt được mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 43/NQ-TW của Bộ Chính trị “đến 2030 là trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo khu vực Đông Nam Á; đến 2035 trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á”; góp phần phát triển kinh tế vùng duyên hải miền Trung.

- Phát triển hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp của thành phố để bảo đảm thực hiện hiệu quả việc kết nối các chủ thể Nhà nước

- Doanh nghiệp - Viện trường trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tập trung Khởi công và đưa vào sử dụng hiệu quả Không gian Đổi mới sáng tạo Đà Nẵng - là khu vực tập trung hệ sinh thái khởi nghiệp để kết nối, hỗ trợ cùng phát triển.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư, hỗ trợ và khai thác có hiệu quả khu công nghệ cao Đà Nẵng; xây dựng và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành Khu thương mại tự do.

- Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng theo mô hình phức hợp nghiên cứu - phát triển tích hợp (Integrated R&D Complex), với hệ thống phòng thí nghiệm mở, hạ tầng thí nghiệm và pilot dùng chung đạt chuẩn quốc gia, từng bước tiếp cận chuẩn quốc tế, phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm chứng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao, thủy sản, thực phẩm, môi trường và sinh thái biển. Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng là một trong các hạ tầng kỹ thuật khoa học và công nghệ dùng chung trọng yếu của thành phố và vùng duyên hải miền Trung, đóng vai trò “phòng thí nghiệm hậu phương” và “sandbox công nghệ” cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và các tổ chức nghiên cứu, qua đó góp phần trực tiếp thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 43-NQ/TW về phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và kinh tế sinh học.

- Đầu tư, xây dựng các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm dùng chung hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ cho nghiên cứu công nghệ cốt lõi, công nghệ chiến lược.

- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hệ thống chuẩn công tác kiểm định kỹ thuật, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về công tác kỹ thuật

tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đảm bảo chuẩn công tác được liên kết chuẩn quốc gia phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Hình thành các khu đổi mới sáng tạo chuyên biệt, khu công nghiệp công nghệ cao thế hệ mới, cụm công nghệ số, AI - bán dẫn, trung tâm thử nghiệm - chuyển giao công nghệ...

- Xây dựng, phát triển và hoàn thiện hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ cho phép cập nhật, quản lý dữ liệu về các nguồn lực khoa học và công nghệ theo thời gian thực.

b) Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin

- Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng số đồng bộ, hiện đại với phương châm “hạ tầng đi trước một bước”, tạo lợi thế cạnh tranh và nền tảng, không gian phát triển mới cho thành phố.

- Triển khai hạ tầng số thông minh cho Trung tâm tài chính quốc tế (theo hướng Fintech); Đầu tư hạ tầng và nền tảng thông minh Khu thương mại tự do Đà Nẵng.

- Phát triển, mở rộng Khu Công nghệ thông tin tập trung Công viên phần mềm Đà Nẵng, là trụ cột then chốt để thúc đẩy phát triển các lĩnh vực mũi nhọn mới như: vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tài chính (Fintech), công nghệ bay không người lái, công nghệ lượng tử. Đẩy nhanh tiến độ và đưa vào hoạt động các khu công nghệ thông tin, công viên phần mềm như: Không gian đổi mới sáng tạo Hòa Xuân, Khu công nghệ thông tin Da Nang Bay,...Xây dựng Tòa nhà Công nghệ cao Viettel Đà Nẵng, Trung tâm sáng tạo FPT (FPT Innovation Center).

- Hình thành các khu đổi mới sáng tạo chuyên biệt, khu công nghiệp công nghệ cao thế hệ mới, cụm công nghệ số, AI - bán dẫn, trung tâm thử nghiệm - chuyển giao công nghệ,...

- Thu hút, phát triển các trung tâm dữ liệu mới đạt tiêu chuẩn xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế, trong đó chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE - Power Usage Effectiveness) không vượt quá 1,4. Trong đó, thu hút đầu tư 01 trung tâm dữ liệu quy mô khu vực, đưa Đà Nẵng trở thành IT-HUB của quốc gia và khu vực; 02 Trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia; phát triển Trung tâm dữ liệu hiện tại phục vụ chính quyền thành phố, các dịch vụ đô thị thông minh, chuyển đổi số; triển khai mới 02 Trung tâm dữ liệu và 01 Trung tâm tính toán hiệu năng cao. Hoàn thành và đưa vào khai thác thêm 01 Trung tâm dữ liệu AI.

- Xây dựng, phát triển, mở rộng hạ tầng số, hạ tầng điện toán đám mây của thành phố đáp ứng nhu cầu mở rộng triển khai các hệ thống thông tin, nhu cầu phát triển về dữ liệu lớn, hạ tầng cho trí tuệ nhân tạo trong các bài toán về chính quyền số, đô thị thông minh và các mô hình kinh tế số mới.

- Đầu tư thiết bị, cải tạo mạng LAN cho các trụ sở xã phường mới sau sáp nhập. Triển khai cải tạo, nâng cấp mạng MAN thành phố đảm bảo kết nối băng

siêu rộng cho các sở, ngành, các xã, phường, đặc khu.

- Tổ chức triển khai Bản sao số thành phố Đà Nẵng nhằm mô hình hóa toàn diện thành phố, mô phỏng, dự báo, tối ưu hóa hoạt động quy hoạch, quản lý, vận hành đô thị.

Phát triển mạng lưới wifi cộng đồng, xây dựng các điểm wifi miễn phí tốc độ cao tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, trường học, trạm y tế.

Xúc tiến triển khai dịch vụ Internet vệ tinh tầm thấp để khắc phục các vùng lõm sóng, trắng sóng, hỗ trợ người dân tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa tiếp cận dịch vụ và công nghệ số.

3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

- Cử cán bộ khoa học và công nghệ đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; hỗ trợ tài chính để khuyến khích đội ngũ khoa học và công nghệ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn; tạo môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ, tôn vinh đối với cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của địa phương.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; về an toàn thông tin; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin tại các sở, ban, ngành, phường, xã.

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

b) Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường

- Phát triển, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ, đặc biệt là từ viện nghiên cứu và trường đại học, những chủ thể nghiên cứu mạnh tại địa phương và thu hút nguồn chuyên gia nước ngoài, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ và năng lực sáng tạo cao, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa trong bối cảnh mới.

- Đào tạo đội ngũ nhân lực có khả năng thích ứng cao với cuộc Cách mạng công nghiệp, để Cách mạng Công nghiệp là nền tảng, gốc rễ của phát triển nguồn nhân lực. Đẩy mạnh liên kết đào tạo và thực hành với khu vực doanh nghiệp là đơn vị trực tiếp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực.

- Thúc đẩy liên kết các Trường đại học trên địa bàn thành phố như: Trường Đại học Bách khoa; Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt

Hàn; Trường Đại học FPT... đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vi mạch bán dẫn, AI, blockchain, công nghệ lượng tử.

- Đẩy mạnh phát triển nhân lực cho các ngành khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn, y dược, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học...; tăng dần nhân lực chuyên gia đầu ngành khoa học có tiềm năng, lợi thế của thành phố.

- Xây dựng hệ thống đào tạo liên tục (Continuing Professional Development - CPD), kết hợp các chương trình sau đại học và khóa bồi dưỡng kỹ năng số nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và cập nhật kiến thức công nghệ mới cho đội ngũ cán bộ, nghiên cứu viên và kỹ thuật viên.

- Nghiên cứu, triển khai các hình thức đào tạo chứng chỉ ngắn hạn và trung hạn về AI cho học sinh, sinh viên các trường cao đẳng, đại học, người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp.

c) Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

- Hợp tác với các Tập đoàn công nghệ lớn (NVIDIA, Google, Alibaba, Viettel, Marvell...) để mở chương trình AI Bootcamp, thực tập sinh.

- Kết nối, thu hút lực lượng chuyên gia có chuyên môn về khoa học công nghệ đang làm việc cho các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước hoặc đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố bằng các hình thức hợp tác, liên kết nhằm mang lại hiệu quả cao và tiết kiệm được chi phí. Việc tận dụng nguồn lực ở các khu vực này sẽ giảm gánh nặng biên chế cho Ngân sách Nhà nước, đồng thời vẫn phát huy được nguồn nhân lực chất lượng cao cho các công việc cần thiết của khu vực công.

- Tích cực, chủ động phối hợp/tham gia các chương trình đào tạo, chương trình khoa học và công nghệ của quốc gia để phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của thành phố.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

đ) Thu hút nhân tài, chuyên gia

- Nghiên cứu đề xuất chính sách “thu hút - giữ chân - phát triển” chuyên gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để cạnh tranh trong bối cảnh các địa phương khác tăng tốc thu hút nhân lực khoa học và công nghệ; Trọng dụng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao có đủ năng lực tiếp nhận, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, thương hiệu của sản phẩm, hàng hóa; đồng thời, xây dựng mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia giỏi trong nước và quốc tế sẵn sàng tham gia giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa trong bối cảnh mới.

e) Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

g) Phân đầu bố trí tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

4. Lĩnh vực khoa học công nghệ

4.1. Phát triển công nghệ chiến lược

Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển công nghệ chiến lược, ưu tiên các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, vi mạch, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hóa, công nghệ sinh học, năng lượng mới, vật liệu mới và một số lĩnh vực khác mà thành phố có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế; phù hợp với định hướng Danh mục công nghệ chiến lược được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1131/QĐ-TTg.

Nghiên cứu, phân tích xu hướng công nghệ chiến lược trên thế giới và trong nước để xác định các lĩnh vực công nghệ chiến lược có tiềm năng phát triển, có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

Đánh giá năng lực hiện tại của thành phố, doanh nghiệp trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược để xác định các công nghệ chiến lược cần ưu tiên phát triển và doanh nghiệp sẵn sàng đồng hành.

Triển khai thử nghiệm có kiểm soát cho từng nhóm công nghệ chiến lược, cho phép thử nghiệm có điều kiện trong phạm vi không gian và thời gian xác định.

Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về công nghệ chiến lược, trong đó ưu tiên giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố cho doanh nghiệp có đủ năng lực làm chủ công nghệ chiến lược và cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố có ưu thế trong nghiên cứu, đào tạo và phát triển nhân lực như AI, bán dẫn, năng lượng mới, công nghệ sinh học và vật liệu mới.

4.2. Phát triển công nghệ và thị trường khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, hội nhập sâu rộng, góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, giao dịch tài sản trí tuệ, nâng cao năng lực hấp thụ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, từ đó cải thiện năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế địa phương; Đẩy mạnh triển khai theo mô hình “Nhà nước đặt hàng - doanh nghiệp triển khai - viện trường hỗ trợ”, tăng dần tỷ trọng nguồn cung công nghệ, thiết bị trong nước, đẩy mạnh các hoạt động trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, tiến tới đồng bộ hóa với các thị trường hàng hóa, lao động và tài chính.

b) Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn; các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch phục vụ phát triển bền vững, mang lại lợi ích kinh tế lớn.

c) Đổi mới mạnh mẽ công nghệ sản xuất các sản phẩm, dịch vụ của các ngành hàng, lĩnh vực kinh tế - xã hội theo hướng ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, nâng cao khả năng cạnh

tranh và uy tín sản phẩm chủ lực của thành phố. Tăng cường nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

d) Ứng dụng khoa học và công nghệ vào quản lý và phát triển các khu công nghiệp Đà Nẵng theo hướng xanh sinh thái với các nội dung:

- Áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo để thúc đẩy sản xuất sạch hơn, hiệu quả tài nguyên và cộng sinh công nghiệp trong các Khu công nghiệp.

- Công nghệ sản xuất sạch và hiệu quả tài nguyên (RECP) tại các Khu công nghiệp: Tái sử dụng và tái chế nước... Tận dụng và chuyển hóa chất thải và Phát triển năng lượng tái tạo.

- Công nghệ Cộng sinh công nghiệp và Kinh tế tuần hoàn.

- Phát triển vật liệu và xây dựng xanh.

4.3. Phát triển nghiên cứu khoa học

Tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Hệ thống các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 được thiết kế gắn chặt với các trụ cột phát triển và các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn nêu trong Nghị quyết số 43-NQ/TW, bám sát mục tiêu xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á, trong đó ưu tiên phát triển 5 lĩnh vực mũi nhọn của thành phố (bao gồm: Du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; Cảng biển, hàng không gắn với dịch vụ logistics; Công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao và ngư nghiệp). Một số định hướng cụ thể:

a) Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

Ưu tiên các các nghiên cứu ứng dụng phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ thông tin, và nâng cao hiệu quả sản xuất và tính cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp.

- ***Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số:***

Chú trọng các nghiên cứu ứng dụng thúc đẩy chuyển đổi số nhằm xây dựng và phát triển hệ sinh thái số, kinh tế số, xã hội số và hỗ trợ phát triển sản phẩm trí tuệ nhân tạo trên nền tảng trí tuệ nhân tạo.

Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, kỹ thuật ứng dụng điện toán đám mây có tính bảo mật cao, ảo hóa lưu trữ và chia sẻ dữ liệu.

Nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin trên nền tảng viễn thông băng rộng, hoàn thiện hạ tầng viễn thông (5G) tại các khu công nghiệp để hỗ trợ sản xuất thông minh; Nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ IoT, Lora, IoT; ứng dụng công nghệ thông tin địa lý (GIS), viễn thám

và các công nghệ liên quan phục vụ phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

Nghiên cứu công nghệ, kỹ thuật, sản phẩm trong bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ xây dựng thành phố thông minh trên các lĩnh vực giao thông, du lịch, giáo dục, y tế...

Nghiên cứu xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung; nghiên cứu và ứng dụng các sản phẩm khai thác dữ liệu lớn. Chú trọng xây dựng các cơ sở dữ liệu để phục vụ chính quyền điện tử, cải cách hành chính; cơ sở dữ liệu phục vụ các ngành môi trường, giao thông, các ngành dịch vụ và xây dựng thành phố thông minh.

- Trong sản xuất và đời sống:

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm; công nghiệp cơ khí, điện tử, tự động hóa, sản xuất vật liệu chất lượng cao (ưu tiên nghiên cứu sản xuất vật liệu xây dựng không nung, ...); dệt may, thủ công mỹ nghệ và ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, công nghiệp phụ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và ứng dụng các loại máy móc, thiết bị tiên tiến phục vụ các ngành công nghiệp của thành phố. Thiết kế, chế tạo và ứng dụng các hệ thống điều khiển tự động các quá trình sản xuất.

Nghiên cứu và ứng dụng các thiết bị tiên tiến phục vụ kiểm nghiệm, chẩn đoán, điều trị cho ngành y tế và kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm.

Nghiên cứu công nghệ sản xuất, chế tạo các vật liệu tiên tiến, thông minh, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường; các giải pháp về kỹ thuật sản xuất sạch hơn.

Triển khai các mô hình sản xuất bền vững, sản xuất thông minh.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học góp phần phát triển các ngành kinh tế biển như nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp khai thác, bảo quản, chế biến thủy, hải sản; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật nuôi trồng các loại tảo biển, rong biển...; chiết xuất các hoạt chất từ các sản phẩm biển, chế biến thuốc, thực phẩm chức năng và các loại thực phẩm có lợi cho sức khỏe từ sinh vật biển và phát triển sản xuất các loại sản phẩm từ biển...

Ứng dụng các nghiên cứu khoa học, công nghệ mới, công nghệ sạch vào sản xuất nhằm bảo vệ môi trường, sản xuất bền vững, tiết kiệm nguyên vật liệu, quản lý sản xuất và kinh doanh theo các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý.

- Trong lĩnh vực môi trường:

Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý, quan trắc và xử lý đối với chất thải đô thị, chất thải công nghiệp, chất thải y tế. Chú trọng các giải pháp, công nghệ xử lý chất thải rắn hiệu quả, đảm bảo yêu cầu về môi trường và kết hợp thu hồi năng lượng; các giải pháp sinh học trong xử lý môi trường tại

các kênh, ao hồ trên địa bàn thành phố, khu vực Âu thuyền Thọ Quang.

Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn (bùn thải, xây dựng, phân bùn bể phốt...), công nghệ xử lý, tái chế phụ phẩm nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ xử lý chất thải hữu cơ tại chỗ để áp dụng tại các hộ gia đình và khu vực nông thôn.

Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ, thiết bị, vật liệu, giải pháp tiên tiến để tái sử dụng và tuần hoàn nước thải, tái chế, tái sử dụng chất thải, phục hồi đất sau ô nhiễm.

Nghiên cứu các giải pháp, phát triển các mô hình sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch trong các lĩnh vực sản xuất, đời sống và phát triển đô thị.

Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ thân thiện với môi trường bảo vệ các hệ sinh thái rừng, biển, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp trong giảm thiểu tác động của xói lở bờ biển và xâm nhập mặn.

Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường như các loài thực vật, đảm bảo thích nghi và phát triển trên các khu vực đã khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố.

b) Lĩnh vực khoa học tự nhiên

Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh về đa dạng sinh học của thành phố, bao gồm đa dạng thực vật, động vật và sinh vật biển. Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phục hồi đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển nguồn gen, giải pháp quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên, giải pháp xử lý thực vật xâm hại tại các khu bảo tồn.

Nghiên cứu và phân vùng chức năng dựa trên các đặc tính sinh thái, tiềm năng tài nguyên và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu làm căn cứ để lập quy hoạch phát triển và phân phối sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nghiên cứu các giải pháp, kỹ thuật dự báo, cảnh báo sớm thiên tai.

Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý vùng bờ và lưu vực sông theo hướng đa ngành, đa mục tiêu và đánh giá tiềm năng rủi ro do tác động của thiên tai đối với thành phố. Chú trọng các nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm giảm thiểu xâm nhập mặn nguồn nước sinh hoạt, ngập lụt, xói lở bờ biển và bờ sông.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp, mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường trong phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương.

Nghiên cứu phục hồi, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường và lưu giữ, bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu và sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn.

c) Lĩnh vực khoa học y - dược

- Trong chẩn đoán, điều trị bệnh, y tế dự phòng:

Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu và công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán sớm và điều trị bệnh. Trong đó ưu tiên các kỹ thuật công nghệ cao, hiện đại như kỹ thuật ghép tạng; công nghệ tế bào gốc; các kỹ thuật ít xâm lấn, kỹ thuật y học hạt nhân, kỹ thuật sinh học phân tử, công nghệ giải trình tự gen; các kỹ thuật vi phẫu, kỹ thuật laser điều trị.... Chú trọng xác định các đột biến kháng thuốc của các vi sinh vật gây bệnh, hỗ trợ cho việc quản lý và giám sát sự đề kháng thuốc của các vi sinh vật gây bệnh.

Phát triển, ứng dụng các sản phẩm công nghệ thông minh trong y tế như y tế từ xa, bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, các hệ thống chuyên gia hỗ trợ trong phẫu thuật như ứng dụng robot trong phẫu thuật, các hệ thống cảnh báo dịch bệnh tự động...; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán và điều trị bệnh.

Phát triển các kỹ thuật chuyên sâu trong chẩn đoán các đột biến trên gen hỗ trợ cho công tác chẩn đoán, phát hiện sớm, điều trị các bệnh ung thư, các bệnh lý về di truyền học; Nghiên cứu ứng dụng các liệu pháp mới trong điều trị bệnh ung thư.

Nghiên cứu và ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán, phát hiện sớm và điều trị các bệnh tim mạch, tiểu đường, phẫu thuật thần kinh, chấn thương, tạo hình và trong lĩnh vực phụ sản, nhi khoa.

Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong công tác y học dự phòng đối với cả bệnh truyền nhiễm và không lây nhiễm, chú trọng nghiên cứu dự báo, giải pháp dự phòng hiệu quả, giảm thiểu nguy cơ. Tập trung đầu tư dự phòng ban đầu và dự phòng cấp 1, phát triển dự phòng cấp 2, chuyển hướng dự phòng cấp 3 có trọng tâm, trọng điểm khi mô hình bệnh tật thay đổi. Chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong việc xác định nhanh và chính xác các vi sinh vật gây bệnh hỗ trợ cho công tác chẩn đoán, điều trị các bệnh truyền nhiễm, sử dụng vắc xin phòng, chống dịch bệnh cũng như đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tăng cường nghiên cứu trong lĩnh vực y học dự phòng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, ứng dụng nền tảng số trong quản lý chăm sóc sức khỏe toàn dân.

Khuyến khích các nghiên cứu về phát triển mạng lưới y tế công cộng; phòng chống dịch, vệ sinh môi trường, y tế học trường học; nghiên cứu về hệ thống cấp cứu; truyền thông y tế; các nghiên cứu về y tế cơ sở; quản lý bệnh mạn tính; phát hiện sớm, quản lý sức khỏe người dân tại cộng đồng.

- Trong y học cổ truyền:

Nghiên cứu kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại nhằm hiện đại hóa và phát triển mạnh y, dược cổ truyền trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Kế thừa và phát triển các bài thuốc y học cổ truyền có giá trị thực tiễn cao; nghiên cứu thử nghiệm, áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật để tạo ra

các sản phẩm thuốc điều trị ứng dụng trên lâm sàng; ưu tiên các bệnh lý mạn tính: cơ xương khớp, di chứng tai biến mạch máu não, bệnh lý tim mạch, suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh, rối loạn giấc ngủ, hỗ trợ điều trị ung thư, bệnh lý nam khoa, bệnh lý phụ khoa... chọn lựa các bài thuốc nam, thuốc dân gian, thuốc gia truyền để nghiên cứu đưa vào sản xuất với quy mô lớn đáp ứng nhu cầu sử dụng.

- Trong sản xuất thuốc:

Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để sản xuất các loại thuốc phòng chống, điều trị bệnh có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn các nước tiên tiến.

Nghiên cứu sản xuất thuốc từ các loại dược liệu y học cổ truyền. Áp dụng khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng, chế biến dược liệu, ưu tiên phát triển các loại dược liệu đã được chứng minh giá trị và có khả năng sản xuất thuốc để làm cơ sở phát triển vùng sản xuất dược liệu hàng hóa.

d) Lĩnh vực khoa học nông nghiệp

Để phát triển toàn diện, bền vững nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa qui mô lớn, kinh tế nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao giá trị gia tăng, gắn với bảo vệ môi trường thì khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cần tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ sản xuất an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và công nghệ sau thu hoạch; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản gắn với áp dụng quy trình tiên tiến và bảo vệ môi trường; cụ thể như sau:

Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn theo hướng hữu cơ.

Nghiên cứu bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen các cây trồng, vật nuôi đặc sản của thành phố, gắn với phát triển du lịch nông nghiệp.

Tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tạo ra các sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao trong các ngành nông – lâm – thủy sản. Nghiên cứu hệ thống cơ cấu cây trồng phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu và nông nghiệp đô thị.

Ứng dụng và phát triển các công nghệ khai thác, nuôi trồng, bảo quản và chế biến nguồn lợi thủy hải sản.

Nghiên cứu, ứng dụng mạnh mẽ các quy trình sản xuất, kỹ thuật canh tác tiên tiến, công nghệ sinh học để tuyển chọn, nhân giống và phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến các loại hoa, rau, nấm ăn và nấm dược liệu, cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất các chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, các loại phân bón sinh học, chế phẩm phân hữu cơ chậm tan, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y... sử dụng trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản và chế biến nông sản.

Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng cơ giới hóa và tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, vận hành các công trình thủy lợi và phòng, chống bão, úng, lụt.

Nghiên cứu, dự báo đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu, hậu quả của các hiện tượng thời tiết cực đoan (lũ lụt, hạn hán, nhiệt độ bất thường...) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; đồng thời xác định các giải pháp ứng phó có hiệu quả.

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm sâm Ngọc Linh và dược liệu thành phố Đà Nẵng (Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nguồn gen và cây giống; Trồng, sản xuất và quản lý vùng trồng; chế biến, đa dạng hóa sản phẩm; Xây dựng thương hiệu quốc gia cho sâm Ngọc Linh và các dược liệu có giá trị; Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành sâm Ngọc Linh và dược liệu...).

Xây dựng các mô hình mẫu về ứng dụng công nghệ sinh học có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, bảo quản, chế biến nông sản hàng hóa, sản xuất các chế phẩm sinh học, các sản phẩm từ biển... làm cơ sở nhân rộng trên địa bàn.

đ) Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội, tổng kết thực tiễn, phát hiện những tiềm năng, nguồn nhân lực và mô hình mới trong thực tiễn để tham mưu, tư vấn, cung cấp luận cứ khoa học, những vấn đề thực tiễn đặt ra, dự báo tình hình và xu hướng phát triển, làm cơ sở cho việc xây dựng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, hoạch định các chủ trương, chính sách để lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp trong lĩnh vực logistics, du lịch, kinh tế biển phục vụ hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ logistics tại miền Trung với vai trò trung tâm của Đà Nẵng. Tập trung các giải pháp phát triển các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo.

Nghiên cứu đề xuất các mô hình kinh tế xanh, công nghiệp xanh, đô thị xanh, nông thôn xanh, nông nghiệp thông minh, đô thị thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu và du lịch sinh thái.

Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách trong quản lý kinh tế, xã hội, văn hóa đặc thù của thành phố.

Nghiên cứu đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách để xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung-Tây Nguyên; Phát triển khu công nghệ cao của thành phố trở thành khu đô thị sáng tạo - khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế, có sức cạnh tranh cao. Nghiên cứu đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách xây dựng Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tầm quốc gia tại thành phố Đà Nẵng với vai trò là hạt nhân khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Nghiên cứu, đề xuất các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, quản lý đô thị, phát triển bền vững; quốc phòng, an ninh của thành phố.

Đánh giá công tác quy hoạch, quản lý đô thị và định hướng phát triển, giải pháp quản lý, phát triển hạ tầng, dịch vụ, tổ chức không gian đô thị hiện đại, hài hoà với thiên nhiên, bảo tồn và phát triển bản sắc đặc trưng của đô thị biển - sông - núi, bảo đảm các tiêu chuẩn đô thị hiện đại.

Nghiên cứu các giá trị lịch sử, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị và phát triển văn hóa, xã hội.

Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển văn hóa, con người thành phố Đà Nẵng; trong đó tập trung nghiên cứu nhận diện giá trị văn hóa, con người thành phố Đà Nẵng; Ứng dụng công nghệ trong bảo tồn và phát huy di sản; Đề xuất giải pháp phát huy giá trị văn hóa, con người.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển lực lượng lao động kỹ thuật cao và nâng cao năng suất lao động của thành phố.

4.4. Phát triển lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ và an toàn bức xạ hạt nhân

a) Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Thúc đẩy việc áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ quản lý tiên tiến; truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thị trường trong và ngoài nước; chú trọng việc áp dụng hệ thống quản lý, công cụ quản lý tiên tiến để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các nông sản, thực phẩm chế biến; phát triển các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 4 đến 5 sao.

Nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, công nghệ số trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và các doanh nghiệp trên địa bàn, tiến tới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO điện tử gắn với chuyển đổi số. Hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia và các giải thưởng Quốc tế uy tín.

Đẩy mạnh hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng, ban hành một số quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Huy động sự tham gia của đội ngũ chuyên gia đầu ngành tham gia xây dựng cơ chế chính sách, pháp luật nhằm giải quyết các vấn đề vướng mắc và đề xuất giải pháp đột phá trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố, nâng cao tỉ phần đóng góp của TFP

vào tăng trưởng kinh tế thành phố.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, bảo đảm an toàn chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Lĩnh vực sở hữu trí tuệ

- Nâng cao nhận thức, chất lượng nguồn lực về sở hữu trí tuệ

Tổ chức chương trình tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về sở hữu trí tuệ hàng năm; Xây dựng và tổ chức chương trình đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ tại một số cơ sở giáo dục đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn về sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố, tạo ra được đội ngũ nhân lực tham gia vào các hoạt động sở hữu trí tuệ.

Cử cán bộ, công chức thuộc các cơ quan quản lý nhà nước đi đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ.

Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Hỗ trợ thành lập tổ chức tư vấn về sở hữu trí tuệ, chú trọng phát triển các trung tâm tư vấn về sở hữu trí tuệ trong các viện nghiên cứu, trường đại học. Phát triển dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ, dịch vụ tư vấn về quản trị, phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

- Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội:

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng như Báo và Phát thanh, Truyền hình Đà Nẵng, Cổng Thông tin điện tử thành phố, Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

Sản xuất, biên soạn, xây dựng các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết); tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng-rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử); giáo trình, tài liệu giảng dạy trong nhà trường; tài liệu bồi dưỡng; sổ tay, cẩm nang hướng dẫn; tờ rơi, tờ gấp; chương trình truyền hình, chương trình truyền hình trực tiếp, tọa đàm, phóng sự, chuyên đề về sở hữu trí tuệ trên đài phát thanh, truyền hình: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được duyệt.

Tổ chức các sự kiện về sở hữu trí tuệ để tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Tổ chức vinh danh, khen thưởng các cá nhân điển hình có tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo, các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

Tổ chức trao chứng nhận cho các địa phương, tập thể được cấp văn bằng bảo hộ Nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, Chỉ dẫn địa lý.

- Khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động tạo ra và xác lập tài sản trí tuệ

+ Xây dựng cập nhật cơ sở dữ liệu để thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ: Điều tra, khảo sát thu thập thông tin về tài sản trí tuệ, các hoạt động liên quan đến công tác sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, Viện nghiên cứu, trường Đại học, cơ quan quản lý nhà nước, UBND các quận/huyện, Hợp tác xã ... trên địa bàn thành phố. Thiết kế, xây dựng bộ công cụ tra cứu và các cơ sở dữ liệu, gói thông tin sở hữu trí tuệ chuyên ngành phục vụ công tác thống kê và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố.

+ Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ:

Hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Hỗ trợ tra cứu thông tin, xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý; tra cứu thông tin phục vụ đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới đối với các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề mang địa danh....

Hỗ trợ hoàn thiện, khai thác và áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp vào thực tiễn thông qua các hoạt động: Xác định nhu cầu của tổ chức, cộng đồng, địa phương về áp dụng, đổi mới công nghệ, khai thác sáng chế/giải pháp hữu ích phục vụ hoạt động nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh; tra cứu, đánh giá, lựa chọn và xác định công nghệ, các giải pháp phù hợp với nhu cầu khai thác, áp dụng; xây dựng và triển khai phương án áp dụng công nghệ, các giải pháp từ các sáng chế/giải pháp hữu ích đã lựa chọn.

Hỗ trợ các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tăng cường sử dụng các công cụ sở hữu trí tuệ để phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh.

Liên kết đơn vị có năng lực, tổ chức, cá nhân ươm tạo các tài sản trí tuệ từ khâu hình thành ý tưởng nghiên cứu, phát triển tài sản trí tuệ đến sản xuất thử nghiệm hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp.

+ Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước: Hỗ trợ đơn đăng ký bảo hộ trong nước, đăng ký bảo hộ ở nước ngoài (đối với sáng chế; kiểu dáng công nghiệp; thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; nhãn hiệu tập thể gắn tên địa danh, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu). Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, trong đó ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ là kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, công trình khoa học và công nghệ đạt giải thưởng cấp quốc gia và cấp thành phố, sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quan trọng, sản phẩm của các hợp tác xã, làng nghề, sản phẩm nông nghiệp của địa phương, sản phẩm của các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

Khảo sát thực tế đánh giá về các sản phẩm nông nghiệp nông thôn có khả

năng xây dựng thương hiệu cộng đồng gắn với chỉ dẫn nguồn gốc địa lý để phân loại làm cơ sở xác lập, xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; nghiên cứu, đánh giá về điều kiện địa lý, chất lượng sản phẩm, khu vực địa lý, tính chất đặc thù, lịch sử, nguồn gốc, danh tiếng sản phẩm, quy mô ... và các điều kiện khác có liên quan để xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm của địa phương mang địa danh theo hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; áp dụng giống cây trồng mới.

Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác cho các tài sản trí tuệ của thành phố Đà Nẵng ở trong và ngoài nước; khai thác, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Hỗ trợ khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam.

Xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ, ưu tiên các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tổ chức khoa học và công nghệ.

- Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số. Tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm về sở hữu trí tuệ; khuyến khích giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ bằng bằng hình thức trọng tài, hòa giải. Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ động tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

- Đẩy mạnh hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Thúc đẩy các sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng thành phố theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng. Theo dõi, tuyên truyền và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động sáng kiến tại cơ sở.

c) Lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân

Triển khai Đề án “Chương trình ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế – xã hội”. Tập trung tăng cường năng lực an toàn bức xạ – hạt nhân; xây dựng văn hóa an toàn thông qua đào tạo, huấn luyện và nâng cao nhận thức cộng đồng. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong kỹ thuật bức xạ; mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế như IAEA, các viện, trường

và cơ sở chuyên ngành. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng việc đào tạo chuyên gia, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật, liên kết các trường đại học mở chương trình đào tạo chuyên sâu và khuyến khích nghiên cứu khoa học hạt nhân.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và ứng dụng năng lượng nguyên tử; thúc đẩy hợp tác công – tư để đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và trang thiết bị an toàn bức xạ; đồng thời tăng cường phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Cục An toàn bức xạ nhằm đồng bộ hóa quản lý. Duy trì diễn tập ứng phó sự cố định kỳ, cập nhật kịch bản đa dạng và tăng cường trang thiết bị đo kiểm, bảo hộ, khử nhiễm; nâng cao năng lực phối hợp đa lực lượng nhằm đảm bảo sẵn sàng xử lý các tình huống bức xạ – hạt nhân, góp phần bảo đảm an toàn và phát triển bền vững.

Tiếp tục triển khai công tác quan trắc môi trường phóng xạ trên địa bàn thành phố theo quy định, mở rộng điểm đo và nâng cao tần suất giám sát; đồng thời đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ đo kiểm, phân tích, đánh giá mức độ phóng xạ trong không khí, đất, nước và tại các khu vực có hoạt động bức xạ – hạt nhân, nhằm kịp thời phát hiện bất thường và đảm bảo an toàn cho cộng đồng.

4.5. Phát triển dịch vụ sự nghiệp khoa học và công nghệ

a) Hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ và tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Tiếp tục nâng cao năng lực, mở rộng Phòng Phân tích – Thử nghiệm, tăng chỉ tiêu phân tích và đầu tư trang thiết bị hiện đại nhằm phát triển dịch vụ quan trắc, phân tích và tư vấn các hồ sơ môi trường.

Hoạt động an toàn bức xạ tập trung vào kiểm xạ, đọc liều chiếu xạ cá nhân, tư vấn và hỗ trợ các dịch vụ ứng dụng năng lượng nguyên tử, đồng thời đầu tư trang thiết bị hiện đại, số hóa dữ liệu bức xạ. Chú trọng đào tạo và nâng cao năng lực nhân lực, đảm bảo đội ngũ chuyên môn cao và có khả năng vận hành, quản lý công nghệ hiện đại

Phát triển các dịch vụ khoa học và công nghệ ứng dụng trong môi trường, năng lượng nguyên tử và lĩnh vực liên quan, bao gồm: nghiên cứu, triển khai công nghệ mới, tư vấn ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật, và hỗ trợ các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn.

Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ mới, các giải pháp quản lý, kỹ thuật, khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng trong các ngành, lĩnh vực, phục vụ kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển công nghệ xanh, sạch, tuần hoàn hướng mục tiêu đạt mức phát thải ròng NetZero 2050.

Triển khai đánh giá, cập nhật cơ sở dữ liệu trình độ và năng lực công nghệ cho doanh nghiệp, các ngành, lĩnh vực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Nghiên cứu xây dựng, triển khai các cụm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy kinh tế tuần hoàn cho các nhóm công nghệ, sản

phẩm: Quản lý và tiết kiệm năng lượng, Tuần hoàn vật liệu và sản phẩm, Xử lý, tái sử dụng nước và hóa chất, Kiểm soát và giảm phát thải, Quản lý vòng đời và minh bạch dữ liệu, Vật liệu và linh kiện tuần hoàn cho công nghiệp chế biến - chế tạo, Vật liệu xây dựng và bao bì xanh, Sản phẩm tái chế trong dệt may - da giày, Sản phẩm sinh học từ phụ phẩm nông nghiệp và công nghiệp, Công nghệ và thiết bị tiết kiệm năng lượng - xử lý chất thải.

Xây dựng và triển khai chương trình hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn, mô hình quản lý về tiết kiệm năng lượng.

Tổ chức các hoạt động tìm kiếm, giới thiệu công nghệ; các sự kiện sự kiện trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ; các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế tuần hoàn.

Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, tập huấn về ISO 50001, ISO 14001 và các tiêu chuẩn, mô hình quản lý về tiết kiệm năng lượng và kinh tế tuần hoàn cho doanh nghiệp, tổ chức; đào tạo, tập huấn về quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế tuần hoàn.

Tăng cường hợp tác công – tư (PPP) bao gồm cơ chế liên doanh-liên kết nhằm kết nối doanh nghiệp, viện – trường và các quỹ đầu tư, tạo nền tảng thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế sinh học (bioeconomy). Triển khai cơ chế spin-off, chia sẻ lợi nhuận và hỗ trợ khởi nghiệp (startup), góp phần đưa các kết quả nghiên cứu, sáng chế và công nghệ mới ra thị trường.

b) Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động quản lý và hỗ trợ đổi mới sáng tạo; hoàn thiện, nâng cấp hạ tầng số phục vụ hệ sinh thái khởi nghiệp; phát triển Cổng thông tin Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Sàn giao dịch công nghệ và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng tích hợp, mở và liên thông quốc gia. Tiếp tục tổ chức các hoạt động kết nối đầu tư, xúc tiến thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thúc đẩy hình thành và phát triển các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, vườn ươm, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp tại các trường đại học và khu công nghệ cao; duy trì các sự kiện thường niên có uy tín như SURF, DAVAS, các diễn đàn, hội thảo, tập huấn nhằm lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong cộng đồng.

Chú trọng mở rộng hợp tác quốc tế, phát triển mạng lưới Không gian đổi mới sáng tạo Đà Nẵng với các đối tác toàn cầu, tăng cường trao đổi tri thức, kết nối quỹ đầu tư và chuyên gia quốc tế. Công tác thông tin, thống kê khoa học và công nghệ tiếp tục được duy trì, đổi mới theo hướng số hóa, phục vụ công tác quản lý, dự báo và hoạch định chính sách phát triển khoa học và công nghệ của thành phố. Tập trung phát triển nguồn nhân lực đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực đời sống - kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dựa trên tri thức và công nghệ.

5. Lĩnh vực đổi mới sáng tạo

5.1 Hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của thành phố

a) Xây dựng hoặc nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu

- Khảo sát, xây dựng mạng lưới các tổ chức đổi mới sáng tạo và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố, trong đó tập trung các khu đổi mới sáng tạo tại các trường đại học và khu đổi mới sáng tạo gắn với khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và các khu vực khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Đầu tư phát triển tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ, bám sát Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đầu tư, xây dựng các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm dùng chung hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ cho nghiên cứu công nghệ cốt lõi, công nghệ chiến lược.

- Hình thành các khu đổi mới sáng tạo chuyên biệt, khu công nghiệp công nghệ cao thế hệ mới, cụm công nghệ số, AI - bán dẫn, trung tâm thử nghiệm - chuyển giao công nghệ,...

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đạt chuẩn và hoạt động hiệu quả.

- Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng bộ phận hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển đổi mới sáng tạo để tập trung nguồn lực, triển khai các chính sách có liên quan để khuyến khích doanh nghiệp phát triển nội lực và ngoại lực.

b) Tạo điều kiện kết nối viện- trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống

- Xây dựng và triển khai hiệu quả chương trình hợp tác giữa các cơ quan chức năng thành phố với Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam, Đại học Đà Nẵng, Đại học Duy Tân, các trường Đại học khác và kết nối với doanh nghiệp, có cơ chế huy động nguồn kinh phí đối ứng và gắn kết quả nghiên cứu với thực tiễn sản xuất, đời sống

- Hỗ trợ các dự án khởi nghiệp từ các kết quả nghiên cứu, sáng chế, giải pháp hữu ích của các viện, trường.

- Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp từ các dự án nghiên cứu từ các viện, trường.

5.2. Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Về cơ chế, chính sách

- Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, đặc biệt là thúc

đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; đề xuất chính sách ưu đãi về thuế, tài chính và đất đai cho các hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển.

- Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật để thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn.

- Rà soát hệ thống pháp luật, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý thông thoáng, minh bạch cho hoạt động đổi mới sáng tạo, nhất là đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; chính sách về đầu tư, khai thác hạ tầng kỹ thuật dùng chung; chính sách thu hút đầu tư, đối tác công tư về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Về hỗ trợ cơ sở hạ tầng, kỹ thuật

- Ưu tiên bố trí địa điểm hoặc hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thương mại tự do cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp lĩnh vực công nghệ cao, các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Hình thành các khu đổi mới sáng tạo chuyên biệt, khu công nghiệp công nghệ cao thế hệ mới, cụm công nghệ số, AI - bán dẫn, trung tâm thử nghiệm - chuyển giao công nghệ, ...

c) Về hỗ trợ tài chính và ưu đãi thuế

- Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo (hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia, dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ), chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo...).

- Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển, trong đó ưu tiên triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ cao, công nghệ cốt lõi, công nghệ chiến lược.

- Hỗ trợ và ưu tiên các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp cận với các nguồn vốn từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, các nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tăng cường hỗ trợ trực tiếp kinh phí cho các hoạt động khởi nghiệp, trong đó chú trọng ưu tiên các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

d) Về nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự

- Triển khai hoặc hỗ trợ tổ chức, tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về khởi nghiệp và kỹ năng quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực.

đ) Về thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ

- Tăng cường đầu tư thúc đẩy nghiên cứu và phát triển công nghệ cao; hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực làm chủ các công nghệ mới, công nghệ cao.

- Có các biện pháp khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ, đặc biệt là các công nghệ nằm trong danh mục công nghệ cao, công nghệ khuyến khích chuyển giao, công nghệ chiến lược.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Tổ chức đào tạo và hỗ trợ đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới cho doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn.

- Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ cốt lõi, công nghệ chiến lược để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm chủ lực; xem xét hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ, mua bản quyền, mua thiết kế, mua phần mềm, thuê chuyên gia tư vấn trong triển khai nhiệm vụ.

- Thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, tiên tiến và triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

- Hỗ trợ triển khai ứng dụng các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho một số doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh.

- Tăng cường sự liên kết giữa các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua các chương trình, hội nghị, hội thảo, chương trình hợp tác, đào tạo, tập huấn, ...

6. Lĩnh vực chuyển đổi số

6.1. Kế hoạch chuyển đổi số, kinh tế số cấp thành phố

a) Phát triển kinh tế số ICT/Viễn thông (kinh tế số lõi)

Triển khai Trung tâm dữ liệu AI xử lý cho các bài toán AI/Big Data.

Thu hút đầu tư trong và ngoài nước triển khai các Trung tâm dữ liệu siêu

lớn (Hyperscale Data Center); Trung tâm dữ liệu hỗ trợ các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; Trung tâm dữ liệu biên.

Đầu tư hạ tầng số kết nối phục vụ công tác quản lý nhà nước tại Khu Thương mại tự do.

Triển khai các dự án chiến lược quy mô lớn nhằm hình thành hệ sinh thái công nghệ cao, thu hút vốn đầu tư cấp quốc gia: Phòng thí nghiệm quốc gia về công nghệ chiến lược, Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về công nghệ sinh học.

Nghiên cứu, phát triển mạng di động 5G và các thế hệ tiếp theo. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sớm triển khai các công nghệ mới trong quá trình phát triển hạ tầng số như mạng di động 6G, Open RAN, mô hình dữ liệu mở, ...

Phát triển hạ tầng Lorawan thành phố được sử dụng rộng rãi, trở thành hạ tầng chính phục vụ người dân, doanh nghiệp thành phố trong việc ứng dụng IoT vào đời sống.

Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, chính quyền thành phố, y tế, giáo dục, du lịch, quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.

Thúc đẩy hợp tác giữa các nhà mạng (Viettel, VNPT, MobiFone) và doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ thông tin, khu thương mại tự do về việc đầu tư hạ tầng di động 5G, mạng cáp quang tốc độ cao; xây dựng quy định về chia sẻ hạ tầng viễn thông (cáp quang, trạm 5G) giữa các nhà mạng để giảm chi phí và tránh trùng lặp.

Xây dựng và triển khai mô hình Cảng thông minh Liên Chiều, không chỉ là một dự án hạ tầng giao thông, mà còn là một trung tâm dữ liệu và logistics số, tạo ra động lực mới cho công nghiệp công nghệ thông tin và các ngành kinh tế số ven biển và thương mại quốc tế của Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030.

Xây dựng và triển khai thí điểm phát triển kinh tế tầm thấp (dùng UAV) thành phố Đà Nẵng.

Triển khai mạng Blockchain thành phố Đà Nẵng.

b) Phát triển kinh tế số nền tảng

Thúc đẩy Thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP: Hỗ trợ người dân, hợp tác xã đưa các sản phẩm đặc trưng, OCOP, ... lên các sàn thương mại điện tử.

Triển khai Nền tảng kinh tế số thành phố (Hình thành cổng duy nhất đưa các dịch vụ, sản phẩm của Đà Nẵng cung cấp trực tuyến One DaNang).

Triển khai mỗi hộ kinh doanh có một tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt, tổ chức tuyên truyền vận động triển khai thực hiện nộp thuế, thu thuế qua các ứng dụng như ETAX Mobile.

Tổ chức tuyên truyền các doanh nghiệp, cơ sở buôn bán, kinh doanh thực hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền.

Phát triển hệ sinh thái, thị trường tài sản số bền vững.

Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

Phát triển thị trường dữ liệu, hoàn thành thí điểm, thử nghiệm tối thiểu 01 sản phẩm dịch vụ dữ liệu tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu.

Thu hút, hỗ trợ phát triển các công ty sản xuất, lắp ráp Robot công nghiệp, Robot dịch vụ (y tế, khách sạn) và hệ thống tự động hóa (Automation Systems) trên địa bàn thành phố.

Hỗ trợ, phát triển mô hình cho thuê robot, UAV cho các SME hoặc khu vực nông nghiệp công nghệ cao, giảm gánh nặng đầu tư ban đầu cho doanh nghiệp.

c) Phát triển kinh tế số ngành/lĩnh vực

- Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Phát triển, triển khai Bản đồ số nông nghiệp: Hỗ trợ số hóa vùng trồng, giúp quản lý thông tin cây trồng và đất đai hiệu quả. Tính năng truy xuất nguồn gốc đảm bảo minh bạch, tăng niềm tin thị trường. Cảnh báo thời tiết kịp thời giúp nông dân ứng phó khí hậu, giảm rủi ro. Tích hợp hệ thống quan trắc môi trường cung cấp dữ liệu đất, nước, không khí, hỗ trợ quyết định canh tác chính xác, nâng cao năng suất và phát triển nông nghiệp bền vững.

Triển khai các mô hình tưới tiêu tự động cảm biến (IoT), sử dụng thiết bị bay không người lái (drone) để giám sát cây trồng, sâu bệnh.

Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm (QR code, Blockchain) để nâng cao giá trị và niềm tin cho người tiêu dùng.

Quản lý quá trình canh tác: thu thập dữ liệu môi trường, giá thể, đất trồng... thông qua hệ thống các cảm biến về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, pH, EC... để xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào thực hiện phân tích, giám sát quản lý quá trình canh tác (tối ưu hóa nước, dinh dưỡng, thuốc bảo vệ thực vật và tự động hóa quá trình canh tác).

Quản lý sâu bệnh hại cây trồng: ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI thu thập, phân tích hình ảnh để dự báo và ra quyết định trong việc phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng.

Quản lý quá trình sản xuất, nuôi trồng trong lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản: ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong giám sát môi trường nuôi nhốt, giám sát môi trường nước; quản lý thức ăn; quản lý bệnh và tự động hóa trong quá trình cho ăn, chăm sóc; cảnh báo môi trường và ra quyết định xử lý.

Tổ chức triển khai, hoàn thiện dự án đo đạc, xây dựng CSDL đất đai, hồ sơ địa chính, kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Đầu tư trang hệ thống điện thoại vệ tinh phục vụ liên lạc cho các Trạm

QLBVR trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Đầu tư hệ thống Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống cháy rừng thông minh.

- Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

Triển khai Nền tảng kinh tế số văn hóa, di tích

Triển khai giải pháp chuyển đổi số du lịch: Áp dụng các công nghệ tiên tiến như số hóa 3D, VR 360, AI, ... bao gồm: Hỗ trợ du khách trong và ngoài nước toàn diện 24/7 và cung cấp thông tin theo thời gian thực; Hỗ trợ đa ngôn ngữ, đa nền tảng và nội dung đa phương tiện; Trải nghiệm du lịch ảo và thực tế tăng cường; Đặt lịch thông minh, tích hợp bản đồ và định vị thông minh; Tích hợp dữ liệu và phân tích; Tích hợp sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương; Kết nối cộng đồng và chia sẻ trải nghiệm; Tạo trải nghiệm ảo (VR/AR), thuyết minh tự động và cá nhân hóa thông tin, từ đó nâng cao trải nghiệm, giáo dục và bảo tồn di sản.

Triển khai Ứng dụng AI, big data, VR/AR để cá nhân hóa trải nghiệm tham quan di sản. Đổi mới giáo dục bảo tàng, hướng tới mô hình bảo tàng mở, bền vững, Robot AI hướng dẫn tại bảo tàng.

Đề án “Hội An Metaverse” – Không gian số phố cổ: Tạo bản sao số (metaverse) của phố cổ Hội An, người dân và du khách có thể tham quan trực tuyến bằng VR/AR.

Nâng cấp phần mềm Triển khai thư viện số cho toàn hệ thống thư viện công cộng thành phố và quận/huyện.

Hỗ trợ thí điểm triển khai các sản phẩm robot phục vụ, check-in, dọn dẹp của các doanh nghiệp khởi nghiệp thành phố.

- Lĩnh vực công thương

Xây dựng và triển khai Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất cá thể trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Xây dựng và triển khai Đề án “Khảo sát đánh giá mức độ sẵn sàng sản xuất thông minh và thí điểm mô hình nhà máy thông minh trong một số ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”.

Hỗ trợ triển khai Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, vận hành an toàn các nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh.

Tổ chức tập huấn kỹ năng xúc tiến thương mại cho đồng bào dân tộc thiểu số, doanh nghiệp, hợp tác xã khu vực miền núi thành phố Đà Nẵng.

Triển khai các nguồn điện theo quy hoạch, trong đó có các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

Nghiên cứu, phát triển năng lượng sạch cho công nghiệp công nghệ số.

6.2. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số, thành phố thông minh

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để mô phỏng, dự báo kịch bản phát triển kinh tế - xã hội thành phố, giải quyết các bài toán yêu cầu đặc thù của thành phố dựa trên dữ liệu thống kê thành phố.

Phát triển các nền tảng số phục vụ chính quyền số hình thành nền hành chính chủ động.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, nhất là trí tuệ nhân tạo nhằm hoàn thiện, tối ưu hóa mô hình vận hành, hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp; thực hiện triệt để việc tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu số và công nghệ số; tổ chức triển khai hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp thành phố Đà Nẵng, cung cấp, giải quyết 100% thủ tục hành chính phi địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.

Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố; triển khai các ứng dụng số cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên thiết bị di động; số hóa, tạo lập kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính; kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân; thông báo đồng bộ trạng thái hồ sơ qua zalo, sms, gmail.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong bóc tách thông tin văn bản phục vụ tiếp nhận, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và hỗ trợ người dân nộp hồ sơ. Xây dựng Hệ thống phân tích dữ liệu hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính để hỗ trợ ra quyết định.

Triển khai mô hình “Đại lý dịch vụ công”, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, kết nối chính quyền số.

Nâng cấp Trung tâm Giám sát điều hành thông minh thành phố thành Trung tâm chỉ huy, điều hành toàn diện hoạt động của thành phố, có khả năng tổng hợp tất cả các nguồn thông tin, dữ liệu của địa phương trên tất cả các lĩnh vực, cung cấp cái nhìn tổng thể theo thời gian thực đối với các đối tượng liên quan, qua đó, giúp người ra quyết định các cấp có khả năng giám sát, điều hành, phân tích dữ liệu lớn và hỗ trợ ra quyết định.

Nâng cấp Công dữ liệu mở thành phố, phục vụ doanh nghiệp và người dân khai thác dữ liệu, đổi mới sáng tạo. Cập nhật và triển khai hiệu quả danh mục cơ sở dữ liệu, dữ liệu mở của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung của thành phố, chuẩn hóa và tích hợp dữ liệu chuyên ngành.

Xây dựng, hoàn thiện, cập nhật dữ liệu cho Phần mềm cơ sở dữ liệu và quản lý chuyên ngành của các sở, ban, ngành, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành cấp tỉnh, Trung tâm IOC thành phố.

Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn để quản lý, phân tích dữ liệu quy hoạch, xây dựng, tối ưu quy trình xử lý hồ sơ, báo cáo; giám sát

tiền độ, chất lượng, cảnh báo rủi ro công trình; Mô phỏng, trực quan hóa quy hoạch, hạ tầng và công trình xây dựng; quản lý dự án, công trình dựa trên công nghệ, hỗ trợ ra quyết định chính xác.

Tập trung xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành, ưu tiên lĩnh vực đất đai, giao thông, đô thị, giáo dục, y tế, hộ tịch, tư pháp, doanh nghiệp...; phát triển nền tảng phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để mô phỏng, dự báo kịch bản, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai Hệ thống Quản lý giao thông thông minh: AI phân tích dữ liệu từ cảm biến, camera... để quản lý, điều hành giao thông, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải; Hỗ trợ trong công tác nhận dạng, cảnh báo sự cố giao thông. Giám sát, điều tiết phân luồng phương tiện tự động, tối ưu hóa tuyến đường vận tải, quản lý kho bãi, bốc dỡ hàng hóa... Phát triển, quản lý, xây dựng bản đồ chung giám sát hệ thống cảm biến trên địa bàn thành phố như đo mưa, đo ngập, giám sát hành trình.

Triển khai kết nối Nền tảng điện toán đám mây của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo quy định.

Triển khai kết nối, tích hợp với nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo phân công và tiến độ cụ thể đối với từng nền tảng số, cơ sở dữ liệu.

Xây dựng Nền tảng AI cấp thành phố cung cấp năng lực tính toán, mô hình và công cụ phát triển ứng dụng để phục vụ chính quyền số, đô thị thông minh, kinh tế số và dịch vụ công. Việc phát triển, vận hành phải tuân thủ nguyên tắc AI có trách nhiệm, bảo đảm minh bạch, an toàn, đồng thời kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP cấp tỉnh, tích hợp vào NDXP, NDOP và khai thác, đồng bộ với Nền tảng AI quốc gia.

Xây dựng Hệ thống thông tin nguồn cấp thành phố để cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của thành phố. Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh còn có chức năng thu thập tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

Triển khai các ứng dụng RPA tự động xử lý hồ sơ, phân tích dữ liệu từ các văn bản đi và đến, hỗ trợ công chức thực thi công vụ.

Xây dựng Hệ thống đánh giá kết quả làm việc theo mô hình KPI nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức các cấp, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền 02 cấp.

Tiếp tục thực hiện tốt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) của Chính phủ.

6.3. Phát triển xã hội số

a) Truyền thông

Đầu tư, mở rộng hệ thống loa truyền thanh IP để đáp ứng cho việc tuyên truyền, phủ sóng phát thanh.

Tăng cường công tác truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, đa dạng hóa hình thức, nội dung tuyên truyền sinh động, trực quan; đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số”.

Tổ chức tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công, thanh toán điện tử, phổ cập kiến thức về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và kỹ năng ứng xử trên môi trường mạng; tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh và mạng xã hội địa phương.

Triển khai “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 hằng năm (Ngày Chuyển đổi số quốc gia), kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại các địa phương như tổ chức hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

Triển khai chương trình “Mỗi người dân một tài khoản số”, mục tiêu 100% người dân có tài khoản định danh điện tử VNeID và khuyến khích sử dụng thường xuyên.

Triển khai Nền tảng hỗ trợ ký số công cộng từ xa (ký số từ xa) phục vụ sử dụng dịch vụ công và các giao dịch điện tử.

b) Phát triển xã hội số trên các lĩnh vực

- Lĩnh vực y tế

Triển khai Trợ lý AI về tư vấn chăm sóc sức khỏe để phân tích dữ liệu sức khỏe của người dân để dự đoán nguy cơ phát triển bệnh. Cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cá nhân hóa cho người có nguy cơ, người bệnh như: theo dõi tình trạng sức khỏe, đề xuất các phương pháp điều trị và quản lý chi phí chăm sóc sức khỏe.

Xây dựng cơ sở dữ liệu Hồ sơ bệnh án điện tử tập trung.

Triển khai các ứng dụng AI nâng cao hiệu quả trong chẩn đoán hình ảnh y tế, phân tích hồ sơ bệnh án điện tử, phân tích và chẩn đoán từ các hình ảnh như: X-quang, MRI, CT scan, giúp các bác sĩ đưa ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn, góp phần nâng cao hiệu quả trong điều trị.

Triển khai ứng dụng AI nâng cao hiệu quả quản lý dịch bệnh: tổng hợp dữ liệu lớn, dữ liệu dùng chung đa ngành, đưa ra cảnh báo, tư vấn quản lý y tế cộng đồng, dịch bệnh.

Xây dựng Trung tâm điều hành y tế thông minh.

- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Thực hiện việc tạo lập, thu thập, quản lý, phát triển dữ liệu giáo dục và đào tạo để hình thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành giáo dục phục vụ công tác quản lý và sử dụng dữ liệu tại địa phương. Kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu liên quan đến giáo dục do địa phương quản lý với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Triển khai ứng dụng Quản lý trường học thông minh: sử dụng AI để phân tích thông tin học sinh (kết quả học tập, sức khỏe học đường, tâm sinh lý, nhu cầu giải trí) nhằm đưa ra đề xuất nâng cao hiệu quả học tập cho học sinh. Phòng học ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường; chấm điểm tự động, đánh giá năng lực; phân tích dữ liệu học tập để cải thiện chất lượng đào tạo...).

Triển khai Nền tảng Hỗ trợ Điều hành Giáo dục và Phân tích Dữ liệu Thông minh, tích hợp AI phân tích dữ liệu và hỗ trợ quản lý điều hành.

Hoàn thành cấp chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ cho 100% giáo viên của các trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (trước sáp nhập).

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu hồ sơ văn bằng cấp THCS. Số hóa và chỉnh lý hồ sơ văn bằng, chứng chỉ của tỉnh Quảng Nam cũ (từ 2024 trở về trước).

Mua sắm thiết bị phục vụ Stem và Robotic lập trình cho giáo dục, Hệ thống học tập đa phương tiện & trải nghiệm tương tác (VR/AR + AI) dành cho STEM và kỹ năng thực hành, Hệ thống gia sư thông minh/trợ giảng AI, xây dựng dữ liệu Bigdata dạy và học.

Nâng cấp hệ thống máy tính thi trực tuyến tại các trường và hệ thống hội nghị truyền hình ngành giáo dục và đào tạo.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo (AI), tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm chất lượng cho phát triển hoạt động giáo dục, dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, ưu tiên cho khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Các trường Đại học xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo theo định hướng chuẩn bị nguồn nhân lực chuyên gia công nghệ thế hệ mới, sẵn sàng cho thời Chuyển đổi số, “AI First” và toàn cầu hoá; xây dựng lộ trình để đến năm 2030, tối thiểu 80% các chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh và/hoặc tăng cường một số ngôn ngữ phổ biến ở các địa bàn trọng điểm khác, ưu tiên liên kết đào tạo bằng đôi với các đại học thuộc Top 200 Thế giới.

Thư viện số Cộng đồng: Số hóa tài liệu và xây dựng hệ thống thư viện điện tử dùng chung liên thông giữa các thư viện thành phố, trường học, thư viện cộng đồng, và khu dân cư, cho phép người dân truy cập miễn phí.

- Lĩnh vực khác

Hệ thống chiếu sáng thông minh: Hệ thống chiếu sáng công cộng tại các khu vực đô thị bằng các thiết bị chiếu sáng thông minh, tiết kiệm điện, tích hợp cảm biến ánh sáng và chuyển động để tự động điều chỉnh độ sáng theo nhu cầu thực tế, hỗ trợ điều khiển tự động hoặc từ xa, từ đó giúp nâng cao chất lượng chiếu sáng và giảm thiểu tiêu hao, sử dụng năng lượng.

Triển khai hệ thống điều khiển đèn tín hiệu giao thông thông minh tại các nút giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố.

Ứng dụng quản lý thanh toán vé điện tử giao thông công cộng bằng xe buýt.

Bãi đỗ xe thông minh: Cho phép người dùng xem thông tin, chỉ đường đến các vị trí đỗ xe (gồm các vị trí đỗ xe trên đường và trong bãi đỗ xe), đặt chỗ (theo tháng đối với bãi đỗ xe tập trung) và thanh toán phí đỗ xe không dùng tiền mặt.

Triển khai ứng dụng “Tổ dân phố số”.

Thực hiện truyền thông, phổ biến các chính sách, thông tin về chuyển đổi số, chính sách dữ liệu, AI, an ninh mạng đến người dân, doanh nghiệp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Nguồn kinh phí

a) Nguồn ngân sách chi cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (chi sự nghiệp và chi đầu tư).

b) Nguồn ngân sách lồng ghép/bổ trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao để triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Các nguồn huy động hợp pháp và xã hội hóa phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

2. Kinh phí tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch

a) Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường chủ động lồng ghép, bổ trí kinh phí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao để triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Đối với nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, hằng năm, các sở ban ngành, UBND các xã, phường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao đề xuất nhiệm vụ và dự toán chi tiết, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp (định kỳ vào tháng 5 - thời điểm xây dựng kế hoạch năm).

Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bố trí ngân sách chi cho khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đảm bảo tối thiểu 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

c) Các sở ban ngành, UBND các quận huyện chủ động thu hút, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để hỗ trợ đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, đơn vị địa phương

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan chỉ đạo triển khai, lồng ghép các nội dung nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Kế hoạch này vào nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Các viện, trường, doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ tham

gia liên kết nghiên cứu, đào tạo, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo các định hướng và nhiệm vụ chi tiết tại Kế hoạch này.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, đôn đốc tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch cho UBND thành phố để theo dõi, chỉ đạo. Căn cứ tình hình thực tế, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị liên quan định kỳ đề xuất UBND thành phố điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp.

2. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ hàng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ (trước ngày 30/11 hàng năm) hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố.

Sơ kết định kỳ 5 năm/lần, đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm, đề xuất điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung nội dung cụ thể của Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị chủ động kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Thành ủy (để báo cáo);
- TT HĐND TP (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Văn phòng UBND TP;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Các Viện, Trường, doanh nghiệp;
- Các tổ chức KH-CN;
- Lưu: VT, SKHCN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu



Phụ lục
CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố)

STT	CHỈ TIÊU CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO	CƠ QUAN PHỐI HỢP
III	ĐẾN HẾT NĂM 2035		
1	Phát triển hạ tầng		
1.1	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Phát triển nguồn lực		
2.1	Có $\geq 2\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
2.2	100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	UBND các phường, xã, đặc khu	
2.3	100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	Các sở, ban, ngành	
2.4	95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ	
2.5	Có từ 20 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Phát triển khoa học, công nghệ		
3.1	Có ≥ 1.200 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	CHỈ TIÊU CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO	CƠ QUAN PHỐI HỢP
3.2	Có ≥ 150 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.3	Có ≥ 8 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.4	Mỗi năm có ≥ 80 công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.5	Mỗi năm có ≥ 80 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.6	Có $\geq 75\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.7	Mỗi năm có ≥ 80 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.8	Có $\geq 40\%$ tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ	các Trường, Viện
3.9	Mỗi năm có ≥ 300 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại thành phố (Scopus/ISI)	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.10	Mỗi năm có ≥ 5 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.11	Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	CHỈ TIÊU CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	sống người dân		
4	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo		
4.1	Có ≥ 600 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.2	Có ≥ 12 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.3	Có $\geq 50\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.4	Mỗi năm có ≥ 150 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.5	Mỗi năm có ≥ 60 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.6	Mỗi năm có ≥ 50 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.7	Mỗi năm có ≥ 700 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.8	Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	Sở Khoa học và Công nghệ	các Trường, Viện
4.9	Mỗi năm có ≥ 120 sáng kiến trong khu vực công được công nhận	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Phát triển chuyển đổi số		
5.1	Chỉ số chuyển đổi số cấp thành phố $\geq 0,85$	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.2	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ hành chính công tp)	các sở, ban, ngành, địa phương

STT	CHỈ TIÊU CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO	CƠ QUAN PHỐI HỢP
5.3	100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ hành chính công tp)	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương
5.4	Có $\geq 90\%$ hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.5	100% cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa và liên thông với Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Thành ủy; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị địa phương
5.6	100% dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
5.7	Có $\geq 90\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.8	Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%	Công an thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ
5.9	Xây dựng các trung tâm điều hành thông minh cấp thành phố đóng vai trò như “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Thành ủy; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị địa phương
5.10	100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	UBND xã, phường	
5.11	Quy mô kinh tế số đạt 40% GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	
V	ĐẾN HẾT NĂM 2045		

STT	CHỈ TIÊU CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO	CƠ QUAN PHỐI HỢP
1	Phát triển hạ tầng		
1.1	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Phát triển nguồn lực		
2.1	Có $\geq 3\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
2.2	99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ	
2.3	Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...)	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ	
2.4	Có từ 54 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Sở Khoa học và Công nghệ	
2.5	Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Phát triển khoa học, công nghệ		
3.1	Có ≥ 3.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.2	Có ≥ 400 doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.3	Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.4	Mỗi năm có ≥ 160 công trình khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	CHỈ TIÊU CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	nghệ cấp thành phố được nghiệm thu		
3.5	Mỗi năm có ≥ 160 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.6	Có $\geq 95\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.7	Mỗi năm có ≥ 180 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.8	Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Trường, Viện
3.9	Mỗi năm có ≥ 800 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại thành phố (Scopus/ISI)	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.10	Mỗi năm có ≥ 10 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.11	Địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu	Trung tâm Hỗ trợ xúc tiến đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ	
4	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo		
4.1	Có ≥ 800 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.2	Mỗi năm có 50 - 70 dự án khởi nghiệp sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.3	Có ≥ 25 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.4	Có $\geq 90\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.5	Mỗi năm có ≥ 500 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	CHỈ TIÊU CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO	CƠ QUAN PHỐI HỢP
4.6	Mỗi năm ≥ 150 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.7	Mỗi năm có ≥ 200 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.8	Mỗi năm có ≥ 1800 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	
4.9	Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Trường, Viện
4.10	Mỗi năm có ≥ 250 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.	Sở Khoa học và Công nghệ	
5	Phát triển chuyển đổi số		
5.1	Chỉ số chuyển đổi số cấp thành phố đạt 1,0	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.2	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ hành chính công tp)	Các sở, ban, ngành, địa phương
5.3	100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ hành chính công tp)	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương
5.4	100% hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.5	100% cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa và liên thông với Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Thành ủy; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị địa phương;
5.6	100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
5.7	100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	CHỈ TIÊU CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	dụng công nghệ số.		
5.8	100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%	Công an thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ
5.9	Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Thành ủy
5.10	Duy trì/nâng cấp trung tâm điều hành thông minh đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng Thành ủy
5.11	100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ; Chính quyền cơ sở	Văn phòng Thành ủy
5.12	Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh	Sở Công Thương	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ,
5.13	Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ	
5.14	Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh	Sở Ngoại vụ; Trung tâm hỗ trợ xúc	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở

STT	CHỈ TIÊU CHI TIẾT KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch	tiền đầu tư.	Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
5.15	Là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi	Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ
5.16	Kinh tế số đạt 60% GRDP; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ
5.17	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương	Sở Tài chính	
5.18	Thành phố Đà Nẵng là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số và đổi mới sáng tạo của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.19	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.20	Tối thiểu có 02 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.21	Thu hút thêm ít nhất 01 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại thành phố	Sở Tài chính	Trung tâm Hỗ trợ xúc tiến đầu tư; Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp; Sở Khoa học và Công nghệ